TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ. H
TỈNH K.T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày: 15-8-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ.H, TỈNH K.T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N
Các Hội thẩm nhân dân:
1./ Ông Nguyễn Huy Q
2./ Ông Vũ Minh T
Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức H – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ. H.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Cẩm Ng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 09/6/2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 18/7/2023 ; Quyết định hoãn phiên toà số 01/2023/QĐ-TA ngày 09/8/2023 đối với bị cáo;

Y V (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 02/02/1993, tại tỉnh K. T.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xơ Đăng; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông A Br (sinh năm 1930, đã chết) và Y Br, sinh năm 1951. Bị cáo là con út trong gia đình có 10 chị, em. Bị cáo có chồng là A B, sinh năm 1990 và có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Y V bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/12/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1996
Trú tại: TDP3, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Có mặt).
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
+ Chị Không Thị S, sinh năm 1993
Trú tại: Khối 9, thị trấn Đ. T, huyện Đ. T, tỉnh K. T (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).
+ Chị Y K, sinh năm 1995
Trú tại: Thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Có mặt).
+ Chị Y Tr, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).
+ Bà Y Br, sinh năm 1951
Trú tại: Thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2020, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Y V *(sinh năm 1993, trú tại thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T)* liên hệ với tài khoản tên T *(không rõ nhân thân lai lịch)* đăng nội dung nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có số điện thoại kèm theo. Sau đó, Y V đã nhắn tin cho người này qua Messenger và liên lạc bằng số điện thoại *(không nhớ cụ thể số điện thoại)* để trao đổi về việc Y V có nhu cầu đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua trao đổi, Y V đồng ý đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá tiền là 22.000.000đ *(Hai mươi hai triệu đồng)*, Y V chụp hình GCNQSDĐ chính của thửa đất: 29, Tờ bản đồ số: 49 tại thôn 9 xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K.T (đứng tên của bố mẹ Y V) và giấy Chứng minh nhân dân của mình gửi cho người trên và đưa trước số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*, hẹn sau hai tuần khi làm xong thì thanh toán hết số tiền. Khoảng hai tuần sau, Y V nhận được 01 *(một)* bưu phẩm từ một nhân viên giao hàng *(không biết là ai)* trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Seri CX 047029. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Y V đem cất. Khoảng cuối năm 2021, do có nhu cầu vay tiền, Y V trao đổi với Không Thị S *(sinh năm 1983, trú tại khối 9, thị trấn Đ. T, huyện Đ. T, tỉnh K. T – là bạn của Y V)* nhờ tìm người thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền. Vào ngày 03/01/2022, Sau khi tìm được người cho vay thì S đã liên hệ với Y V đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ra để trao đổi và hẹn gặp tại quán cà phê Cát Tường thuộc xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Khi ra đến nơi, Y V gặp S, Ch *(chưa rõ nhân thân lai lịch)* và Hoàng Ngọc Q *(sinh năm: 1996; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T)*. Tại đây, Y V có trao đổi với Q về việc muốn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền và đưa ra một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số Seri CX 047029, tờ bản đồ số 49, thửa đất số 29, địa chỉ tại thôn 7, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T mang tên Y V cho Q xem. Sau đó, Q dẫn V, S và Ch về nhà mình thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T để làm thủ tục vay tiền. Tại nhà Q, Y V viết giấy mượn tiền với số tiền là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho Q. Sau đó, Q sử dụng điện thoại di động của mình chụp lại hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy vay tiền, giấy phép lái xe mang tên Y V. Sau khi hoàn tất các thủ tục, Q đưa cho Y V 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* tiền mặt và chuyển khoản vào số tài khoản 0761002357319 của Không Thị S mở tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* theo yêu cầu của Y V. Khi đã

hết hạn vay theo giấy vay nợ nhưng không thấy Y V trả tiền như hai bên đã thoả thuận, Q đã nhiều lần gọi cho Y V đề nghị thanh toán tiền đã vay nhưng không liên lạc được. Q đã nhờ người kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri CX047029 mà Y V đã thế chấp thì được biết có dấu hiệu làm giả. Sau đó, Quốc làm đơn tố cáo Y V về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Công an huyện Đ. H.

Tại Bản Kết luận giám định số 209/KLGĐ-KTHS ngày 25/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K. T kết luận: *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX047029 mang tên bà Y V; sinh năm 1993, CMND số 234144571, địa chỉ thường trú tại Thôn 9, xã Đ.Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T, cấp ngày 11/04/2019 (Ký hiệu A1) là giả*.

Tại Bản Kết luận giám định số 209/KLGĐ-KTHS ngày 25/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K. T kết luận: *Chữ viết phần nội dung, chữ ký đứng tên Y V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ "Đ. hr Đ. H"- dòng thứ 5 từ trên xuống) với chữ viết, chữ ký của Y V trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1; M2; M3) do cùng một người viết, ký ra*.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Y V đã khai nhận toàn bộ hành vi đặt làm giả bìa đỏ (GCNQSD đất) rồi cầm cố, vay của anh Hoàng Ngọc Q số tiền là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*, sau đó đã chiếm đoạt số tiền nêu trên. Y V khai nhận: sau khi mượn tiền của Q thì Y V đã cho Không Thị S, Ch, Y K (*SN 1995; trú tại thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) vay với tổng số tiền là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), số tiền còn lại Y V sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại bản cáo trạng số:19/CT-VKSĐH-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T truy tố bị cáo Y V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T giữ quyền công tố tại phiên toà đề nghị HĐXX;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Y V** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Xử phạt: Bị cáo **Y V** mức án từ 30 (*Ba mươi*) tháng tù đến 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Y V mức án từ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Y V phải chịu mức án từ 54 (*Năm mươi bốn*) tháng tù đến 66 (*sáu mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự. Buộc bị cáo Y V phải trả cho anh Hoàng Ngọc Q số tiền 67.449.000 đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 (*một*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số Seri CX 047029, tờ bản đồ số 49, thửa đất số 29, địa chỉ tại thôn 7, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T mang tên Y V; 01 (*một*) "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/01/2022 có chữ ký, chữ viết đứng tên Y V.

Ngoài ra, đề nghị HĐXX tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của phap luật.

Ý kiến của bị cáo Y V và lời nói sau cùng của bị cáo trước khi hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo rất hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra. Mong bị hại tha lỗi và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo còn con nhỏ hoàn cảnh gia đình còn khó khăn.

Ý kiến của bị hại Hoàng Ngọc Q: Yêu cầu bị cáo phải trả số tiền tiền 67.449.000đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*). Và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Y V.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Y V đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó làm rõ được;

Vào đầu năm 2020, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Y V đã liên hệ với một đối tượng *(không rõ nhân thân, lai lịch)* để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số seri CX047029) với số tiền 22.000.000 đồng. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, vào ngày 03/01/2022 bị cáo Y V đã thế chấp cho anh Hoàng Ngọc Q để tạo lòng tin nhằm vay của anh Q số tiền 120.00.000 đồng, sau đó đã chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp, lừa vay tiền rồi chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Y V đã phạm vào điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Y V về tội phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Y V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên tỏ thái độ ăn năn hối cải, đã xin lỗi người bị hại; Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Y V đã trả cho anh Hoàng Ngọc Q số tiền 91.557.000 đồng. Tại phiên toà người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Xét nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trang trải cuộc sống nên bị cáo đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã làm trước đó đem thế chấp cho anh Hoàng Ngọc Q vay số tiền 120.000.000 đ. HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo nhằm giúp bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình đông con 05 con (lớn nhất mới sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2023). Do đó, HĐXX cần xem xét khi lượng hình.

[5] **Hình phạt bổ sung**: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y V.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi dùng bìa đỏ giả rồi cầm cố, vay của anh Hoàng Ngọc Q số tiền là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* bị cáo Y V đã cho chị Không Thị S vay số tiền là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), và cho chị Y K vay số tiền 6.000.000 đ (*Sáu triệu đồng*). Số tiền còn lại là 54.000.000 đ (*Năm mươi bốn triệu đồng*) bị cáo Y V sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra, bị cáo Y V đã trả cho anh Hoàng Ngọc Q được số tiền 91.557.000 đồng. Tại phiên toà hôm nay, người bị hại anh Hoàng Ngọc Q thừa nhận bị cáo đã trả cho anh được tổng cộng số tiền 91.557.000 đồng và yêu cầu bị cáo Y V hoàn trả lại số tiền còn lại là 67.449.000 đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*). Bị cáo Y V đồng ý hoàn trả lại cho anh Hoàng Ngọc Q số tiền 67.449.000 đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*). HĐXX xét thấy, số tiền anh Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà, giữa bị cáo Y V và bị hại anh Hoàng Ngọc Q đã thoả thuận được với nhau về bồi thường trách nhiệm dân sự. Sự thoả thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do đó, HDXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của các bên.

Đối với số tiền mà bị cáo Y V đã cho chị Không Thị S, Y K vay với tổng số tiền là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*). HĐXX xét thấy, những người

vay tiền của bị cáo hoàn toàn không biết việc bị cáo Y V đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền. Do đó, xác định đây là những giao dịch dân sự nên không xem xét truy thu số tiền này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7]. **Về vật chứng của vụ án:** Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số Seri CX 047029, tờ bản đồ số 49, thửa đất số 29, địa chỉ tại thôn 7, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T mang tên Y V; 01 (một) "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/01/2022 có chữ ký, chữ viết đứng tên Y V. Xét, đây là những tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Y V. Do đó, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[8] **Về các vấn đề khác;**

- Đối với đối tượng tên Ch: Quá trình điều tra xác định đối tượng tên Ch có tên cụ thể là Trần Văn Ch (*Sinh năm 1992; trú tại khối 10, thị trấn Đ. T, huyện Đ. T, tỉnh K. T*), hiện nay Ch không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được và sẽ xem xét xử lý khi có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

- Đối với Không Thị S: Bị cáo Y V có nhờ chị S tìm người cho vay để bị cáo thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiện, chị S không biết bị cáo Y V đã đặt làm giả trên mạng nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với S là phù hợp.

- Đối với Y K: Số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) mà Y K mượn của bị cáo Y V thì Y K không biết việc Y V sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đi vay tiền của Hoàng Ngọc Q và cho Y K mượn. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Y K là phù hợp.

- Đối với đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Y V: Quá trình điều tra xác định việc bị cáo Y V liên hệ đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thông qua mạng Internet bằng hình thức liên lạc qua số điện thoại và tài khoản Facebook. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì bị cáo Y V đã xóa hết thông tin (số điện thoại và tài khoản Facebook) của đối tượng này, do đó không có cơ sở xác định được nhân thân lai lịch để có căn cứ xử lý hình sự về hành vi Làm giả con dấu hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức đối với đối tượng trên. Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

- Đối với Y Tr: Quá trình điều tra xác định Y V có nhu cầu vay tiền bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhờ Y Tr (*sinh năm 1988; trú tại thôn 8, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T; là cháu Y V*) tìm chỗ cho vay. Sau đó, Y Tr đã giới thiệu chị Không Thị S cho bị cáo Y V. Chị S và bị cáo Y V trao đổi với nhau về chỗ thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Y Tr không biết. Ngoài ra, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo Y V đã đặt trên mạng thì bị cáo Y V không nói cho Y Tr biết và Y Tr không được hưởng số tiền nào từ khoản tiền vay của Y V nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Y Tr là phù hợp.

[9] **Về án phí**: Bị cáo Y V phải chịu **200.000**đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **3.372.450** đ (*Năm triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, bốn trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Y V** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Xử phạt: Bị cáo **Y V 30** (*Ba mươi*) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Y V phải chịu 54 (*Năm mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y V.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị hại Hoàng Ngọc Q và bị cáo Y V. Buộc bị cáo Y V phải trả cho anh Hoàng Ngọc Q số tiền **67.449.000** đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự . Nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 (*một*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số Seri CX 047029, tờ bản đồ số 49, thửa đất số 29, địa chỉ tại thôn 7, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T mang tên Y V; 01 (*một*) "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/01/2022 có chữ ký, chữ viết đứng tên Y V.

Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Y V phải chịu **200.000**

đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **3.372.450** đ (*Năm triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, bốn trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2023), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đ.N;
- Vụ 1 – TAND C.C;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Công an huyện Đ. H;
- CCTHA dân sự huyện Đ. H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Văn N